TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 37/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 11-5-2023
V/v Ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đình Trường

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Xuân Trường

2. Bà Nguyễn Thị Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Vân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên toà: Bà Lê Thanh Tốt- Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2023 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 57/2023/TLST-HNGĐ, ngày 20 tháng 02 năm 2023; về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Lê Thị Phương D, sinh năm 1987; Nơi cư trú: Số A, Nguyễn Thị Minh K, tổ B, khu phố H, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

2 *Bị đơn:* Anh Trương Văn L, sinh năm 1984; Nơi cư trú: Số A, Đường P, Tổ F, khu phố A, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa vắng mặt các đương sự đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ vụ án nguyên đơn trình bày:

Chị Lê Thị Phương D, anh Trương Văn L tự nguyện tìm hiểu, tiến đến hôn và đăng ký kết hôn vào năm 2011 tại UBND thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận. Sau khi kết hôn chị D, anh L sống hạnh phúc với nhau được một thời gian thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh Lưu k lo làm ăn, không chăm lo cho gia đình vợ con, thường xuyên ăn chơi nên chị D, anh L thường xuyên xảy ra cải vả nhau. Bản thân chị D đã nhiều lần khuyên bảo, động viên nhưng anh L vẫn không thay đổi được. Do nhận thấy vợ chồng không còn hạnh phúc nên vào tháng 01/2023 chị D đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống cho đến nay. Cũng kể từ đó chị D, anh Lưu ly t và không còn yêu thương, quan tâm chăm sóc gì nhau. Hiện nay chị D không còn tình cảm với anh L và không mong muốn tiếp tục chung sống với anh L nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn.

Chị D, anh L có 01 con chung là Trương Tú N, sinh ngày 03/11/2012. Tại đơn khởi kiện ngày 25/01/2023 chị D yêu cầu Tòa án giải quyết quyền nuôn con, tuy nhiên tại đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 20/3/2023 chị D rút yêu cầu Tòa án giải quyết quyền nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo hồ sơ vụ án bị đơn trình bày:

Anh L thống nhất như lời trình bày của chị D về thời gian, địa điểm đănng ký kết hôn. Anh L thừa nhận sau khi kết hôn một thời gian giữa anh L, chị D có xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng có xảy ra cải vả, sau khi bị tổn thương thì chị D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, việc chị D cho rằng anh L ăn chơi, bạn bè có đúng một phần, nhưng anh Lưu m muốn Tòa án cho thời gian để tác động. Trong trường hợp chị D không rút đơn khởi kiện thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định và anh L thống nhất với toàn bộ yêu cầu khởi kiện. Trong trường hợp ly hôn anh đồng ý giao con Trương Tú N, sinh ngày 03/11/2012 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, không đồng ý cấp dưỡng; còn chị D không đồng ý nuôi con thì anh là người trực tiếp nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung anh Lưu k yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh:

- Về tố tụng:

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

+ Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về quyền và nghĩa vụ của đương sự.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị D được ly hôn với anh L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị đơn anh Trương Văn L có nơi thường trú tại huyện Đ nên việc khởi kiện của nguyên đơn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tại đơn khởi kiện nguyên đơn chị Lê Thị Phương D yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con với anh Trương Văn L. Tuy nhiên, tại đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện chị D rút yêu cầu Tòa án giải quyết quyền nuôi con nên quan hệ pháp luật cần giải quyết là "Ly hôn" được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử mặc dù đã được Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng các đương sự đều vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vắng mặt các đương sự tại phiên tòa là phù hợp.

[4] Chị Lê Thị Phương D, anh Trương Văn L tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 01 tháng 8 năm 2011, số vào sổ

104/2011, quyển số 01/2011, tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Đ đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Sau khi kết hôn chị D, anh L chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian thì này sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng thiếu quan tâm, chia sẽ lẫn nhau, mặc dù cả hai đã nhiều lần tự động viên, khuyên bảo nhau thay đổi chung sống hạnh phúc, nhưng không kết quả, nên vợ chồng sống ly thân. Hiện nay chị D không còn tình cảm với anh L nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Bản thân anh L cũng thừa nhận quá trình chung sống vợ chồng có nảy sinh mâu thuẫn nhưng mong muốn có thời gian để tác động chị D quay về chung sống, thế nhưng anh cũng đồng ý nếu như chị D cương quyết ly hôn. Điều đó chứng tỏ, tình trạng mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh L đã kéo dài, trầm trọng, hạnh phúc không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên cần xử cho chị D được ly hôn với anh L là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Do chị D rút yêu cầu Tòa án giải quyết quyền nuôi con và anh Lưu k có đơn khởi kiện phản tố. Nên cần đình chỉ yêu cầu giải quyết quyền nuôi con là phù hợp.

[6] Các bên đương sự không tranh chấp và không yêu cầu giải quyết phân chia tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Cần buộc chị D phải chịu án phí ly hôn.

[8] Các đương sự đều có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 146; khoản 4 Điều 147; Điều 203; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Luật thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi bổ sung năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14;

Tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị Phương D về việc giải quyết quyền nuôi con Trương Tú N, sinh ngày 03/11/2012.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị Phương D.

Chị Lê Thị Phương D được ly hôn với anh Trương Văn L. Giấy chứng nhận kết hôn đăng ký ngày 01 tháng 8 năm 2011, số vào sổ 104/2011, quyển số 01/2011, tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Đ hết hiệu lực kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Về án phí: Chị Lê Thị Phương D phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0014835, ngày 20 tháng 02 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Linh. Chị D đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa đều được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ, để Tòa án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm.

5. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Đức Linh;
- UBND TT Đức Tài;
- C.C Thi hành án DS.h. Đức Linh;
- Các đương sự;
- Lưu HS, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Đình Trường